

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST  
Ngày 02 - 7 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Xem

2. Ông Sơn Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đức Trọn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:**  
Ông Kim Hua, ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/TLST - HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, tại huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Huỳnh Thị Th; Vợ là Huỳnh Ngọc H và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2019 đến ngày 20/11/2019 chuyển sang tạm giam, đến ngày 11/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Thạch Thị Th, sinh năm 1982, tại huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp R, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thạch S và bà Đào Thị S; Chồng là Nguyễn Văn P (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2003; Tiền án: không có; Tiền sự: Ngày 17/9/2019 bị Công an huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000đồng; Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2019 đến ngày 20/11/2019 chuyển sang tạm giam, đến ngày 11/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lâm Thị S, sinh năm 1973, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lâm Văn H (đã chết) và bà Kim Thị B (đã chết); Chồng là Trần Đông X (đã chết) và 01 người con sinh năm 1996; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Ngày 26/12/2013 bị Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh đưa vào cơ sở giáo dục 12 tháng; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/11/2019 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Thị Út E, sinh năm 1974, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; Chồng trước Phạm Văn N (đã ly hôn), chồng sau Lê Ngọc Th (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/11/2019 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lâm Hồng Ph, sinh năm 1984, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp 1, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lâm Thành S và bà Phạm Thị D; Vợ là Võ Thanh H (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2015; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Ngày 10/8/2010 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/11/2019 chuyển sang tạm giam, đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Thạch Thị S L (tên gọi khác Đen) sinh năm 1985, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp R, xã C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Thợ làm tóc; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thạch L và bà Thạch Thị H; Chồng là Bùi Duy Ch (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2015; Tiền án: không có; Tiền sự: Ngày 09/10/2019 bị Công an xã Tường Lộc, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000đồng; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/11/2019 chuyển sang tạm giam, đến ngày 04/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn K, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn x (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; Vợ là Võ Thị Mỹ L và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Ngày 17/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh

bạc”, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 20/11/2019 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Văn U E (tên gọi khác Cá Cùn), sinh năm 1980, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn K, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn M và bà Trần Thị P; Vợ là Đoàn Thị P và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Văn A (tên gọi khác Tám Càng), sinh năm 1964, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn M (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); Vợ là Huỳnh Thị U K và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Hậu C, sinh năm 1988, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Công S và bà Lê Thị L; Vợ là Võ Thị Thu Th và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Thị B H, sinh năm 1985, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T (đã chết) và bà Đặng Thị H; Chồng là Cao Văn N (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Huỳnh Phước N, sinh năm 1988, tại huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Khu 6, thị trấn Ô, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Phước H và bà Dương Thị T; Vợ là Huỳnh Ngọc V và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 14/11/2019 được trả tự do và đến ngày 26/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Trần Thị R, sinh năm 1965, tại huyện K, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Trần Văn U' (đã chết) và bà Phan Thị Đ (đã chết); Chồng là Nguyễn Văn H (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 1988; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 15/11/2019 được trả tự do và đến ngày 26/02/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Th:* Ông Nguyễn Công H, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị S L:* Bà Lục Khả T, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thị S:* Ông Lê Văn Vinh, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Hồng Ph:* Luật sư Nguyễn Hoàng O, Văn phòng Luật sư Sáu Đen – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Văn Công B, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/11/2019, bị cáo Nguyễn Hậu C điện thoại cho bị cáo Thạch Thị Th để hỏi bị cáo Th có xuống khu vực đất vườn của ông Trịnh Văn Nh tọa lạc ấp B, xã N, huyện K, tỉnh Trà Vinh xuống lặc “tài – xiu” hay không thì bị cáo Th trả lời là có. Sau đó, bị cáo Th rủ bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Huỳnh Phước N, bị cáo Thạch Thị S L cùng đi (*bị cáo H chở bị cáo Th bằng xe mô tô biển kiểm soát 64F1 – 304.83; bị cáo S L thuê Nguyễn Phú C chạy xe ôm chở đi; bị cáo N đi bằng xe mô tô biển kiểm soát 64B1 – 889.99*). Khi đi đánh bạc, bị cáo Th mang theo số tiền là 49.938.000đồng để trong túi xách màu vàng của bị cáo. Trên đường đi, bị cáo S L có nói với bị cáo Th là cho bị cáo S L hùn số tiền 3.000.000đồng để làm cái lặc “tài – xiu” thì bị cáo Th đồng ý nhưng bị cáo S L chưa đưa tiền cho bị cáo Th. Đối với bị cáo C sau khi điện thoại cho bị cáo Th thì bị cáo C nhờ Lê Quốc C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 314.87 của bị cáo chở đến địa điểm đánh bạc trên để đánh bạc. Tại đây, bị cáo C gặp các bị cáo Lâm Thị S, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Trần Văn U E, bị cáo Phan Thị Út E, bị cáo Trần Thị R, Văn Công B (Tý) và khoảng 05 người khác (các bị cáo khai không biết tên gì và ở đâu). Thấy vậy, bị cáo C dùng tám bạc màu vàng – xanh, đã chuẩn bị trước ra trải trên nền đất rồi kêu Văn Công B làm cái lặc “tài – xiu” chơi trước đợi bị cáo H và bị cáo Th đến. Lúc này, B rủ bị cáo T hùn tiền làm cái lặc “tài – xiu” với số tiền mỗi người là 2.500.000đồng thì bị cáo T đồng ý, nhưng bị cáo T chưa đưa tiền cho B. Thỏa thuận xong, B lấy số tiền 5.000.000đồng và bộ dụng cụ lặc tài – xiu của B chuẩn bị trước ra đưa cho bị cáo S để làm cái lặc “tài – xiu”. Khi bị cáo S làm cái lặc “tài – xiu” thì những người đặt cược gồm có các bị cáo Trần Thị R, bị cáo Phan

Thị Út E, Khuru Sáng N và một số người khác (bị cáo không biết tên gì và ở đâu). Bị cáo S làm cái lắc “tài – xiu” khoảng 30 phút thì các bị cáo Th, bị cáo H, bị cáo S L và bị cáo N đến. Thấy bị cáo S đang làm cái lắc “tài – xiu” nên bị cáo Th tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván đặt cược là 100.000đồng thì thắng được hai ván, thua một ván. Sau đó, bị cáo S nghỉ và nhường lại cho hai bị cáo H và bị cáo Th làm cái lắc “tài – xiu”. Bị cáo S kiểm tra lại số tiền thì biết được đã thua hết 600.000đồng, còn lại 4.400.000đồng bị cáo S trả lại cho Văn Công B cùng bộ dụng cụ lắc tài – xiu. Cùng lúc này, bị cáo Th lấy bộ dụng cụ lắc “tài – xiu” cùng số tiền 30.000.000đồng từ trong túi xách ra đưa cho bị cáo H để làm cái lắc “tài – xiu”. Sau đó, bị cáo H đưa cho bị cáo N số tiền 10.000.000đồng để làm “Vĩ” (tức là giúp bị cáo H thu chi tiền thắng thua của mỗi ván “tài - xiu”). Trước khi lắc “tài – xiu”, bị cáo H quy định phía bên phải bị cáo H là cửa “Tài”, còn bên trái bị cáo H là cửa “Xiu”, số tiền đặt cược của một ván “tài – xiu” thấp nhất là 200.000đồng, không giới hạn mức cao nhất nhưng số tiền chênh lệch giữa bên “Tài” và bên “Xiu” là khoảng 4.000.000đồng và dùng 02 (hai) bao thuốc lá hiệu JET và HERO để phân chia bên “Tài”, bên “Xiu”. Sau khi thống nhất, bị cáo H bắt đầu làm cái lắc “tài – xiu”, những người tham gia đặt cược gồm có: Bị cáo Phan Thị Út E, bị cáo Trần Văn U E, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Lâm Thị S, bị cáo Nguyễn Hậu C, bị cáo Lê Văn A, bị cáo Lâm Hồng Ph, bị cáo Nguyễn Thị B H, bị cáo Trần Thị R, Văn Công B, Khuru Sáng N, Trần Văn N, Nguyễn Tiến Dũng và khoảng 05 người khác (các bị cáo khai không biết họ tên và địa chỉ). Bị cáo N làm “vĩ” được khoảng một giờ đồng hồ thì thua hết số tiền 10.000.000đồng mà bị cáo H đưa cho nên bị cáo N nghỉ ra ngoài nằm võng ngủ. Bị cáo Th vào thay thế bị cáo N và ngồi đối diện bị cáo H. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc bị cáo H đang làm cái lắc “tài – xiu” thì bị lực lượng Công an huyện Cầu Kè bắt quả tang. Tại ván lắc “tài – xiu” bị Công an bắt quả tang này, các bị cáo tham gia đánh bạc gồm: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Thạch Thị Th làm cái lắc “tài – xiu”; bị cáo Lâm Hồng Ph đặt cược cửa “tài” số tiền 1.500.000đồng (khi bị bắt quả tang đã cầm lên trên người); bị cáo Nguyễn Hậu C đặt cược cửa “tài” số tiền 2.000.000đồng; bị cáo Nguyễn Thị B H đặt cược cửa “tài” số tiền 400.000đồng; bị cáo Trần Văn U E đặt cược cửa “xiu” số tiền 2.000.000đồng; bị cáo Lê Văn A đặt cược cửa “xiu” số tiền 2.000.000đồng; bị cáo Phan Thị Út E đặt cược cửa “xiu” số tiền 200.000đồng (nhưng chưa để tiền xuống chiếu bạc); bị cáo Nguyễn Văn T đặt cược cửa “xiu” số tiền 100.000đồng; bị cáo Lâm Thị S đặt cược cửa “xiu” số tiền 200.000đồng; bị cáo Trần Thị R đặt cược cửa “xiu” số tiền 100.000đồng và một số người khác không xác định.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè thu giữ:

- Trên chiếu bạc số tiền 10.850.000đồng. Trong đó của bị cáo C 2.000.000đồng; của bị cáo B H 450.00đồng, trong đó 400.000đồng dùng để đánh bạc, 50.000đồng là do bị cáo B H làm rơi trên chiếu bạc nhưng không dùng vào mục đích đánh bạc; của bị cáo Trần Văn U E 2.000.000đồng; của bị cáo A 2.000.000đồng; của bị cáo T 100.000đồng; của bị cáo S 200.000đồng; của bị cáo R 100.000đồng; của bị cáo Th 200.000đồng; số tiền còn lại 3.800.000đồng

không xác định là của ai. Như vậy, số tiền thu giữ trên chiếu bạc chứng minh các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép là 7.000.000đồng.

- Trên người bị cáo Ph 2.500.000đồng dùng để đánh bạc, bị cáo S 1.000.000đồng dùng để đánh bạc, bị cáo Phan Thị Út E 11.612.000đồng (trong đó số tiền dùng để đánh bạc là 3.600.000đồng), bị cáo S L 10.025.000đồng (trong đó số tiền dùng để đánh bạc là 3.000.000đồng), bị cáo B H là 23.000 đồng không dùng vào mục đích để đánh bạc, bị cáo R 70.000 đồng không dùng vào mục đích để đánh bạc. Như vậy, số tiền thu giữ trên người các bị cáo chứng minh các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép là 10.100.000đồng.

- Bên ngoài chiếu bạc số tiền 7.500.000đồng nhưng không xác định là của ai; số tiền 19.918.000đồng của bị cáo Th nhưng số tiền này bị cáo Th không dùng vào mục đích đánh bạc.

- 01 (một) bộ dụng cụ lắc “tài – xỉu” gồm: 01 (một) cái chén màu trắng - xanh, 01 (một) cái đĩa màu trắng - xanh và 03 (ba) hột xí ngầu, đã qua sử dụng là của bị cáo Thạch Thị Th;

- 01 (một) bộ dụng cụ lắc “tài – xỉu” gồm: 01 (một) cái chén màu trắng – đỏ, 01 (một) cái đĩa màu trắng - xanh và 03 (ba) hột xí ngầu, đã qua sử dụng là của Văn Công B.

- 03 (ba) bao thuốc lá gồm: 01 (một) bao thuốc lá hiệu 555, 01 (một) bao thuốc lá hiệu JET và 01 (một) bao thuốc lá hiệu HERO, tất cả đã qua sử dụng, là của bị cáo Nguyễn Văn H;

- 01 (một) miếng gạch tàu kích thước 15cm x 30cm, đã qua sử dụng và 01 (một) tấm bạc bằng nhựa, màu xanh – vàng, có nhiều vết rách, kích thước 185cm x 480cm, đã qua sử dụng là của bị cáo Nguyễn Hậu C;

- 01 (một) chip điện tử màu xanh, không chứng minh được là của ai;

- 01 (một) thùng đựng nước đá màu đỏ - trắng, đã qua sử dụng, không chứng minh làm rõ được là của ai.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Shmode, màu xám, biển kiểm soát 64F1 – 304.83; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy và 01 (một) túi xách kiểu nữ màu vàng, đã qua sử dụng là của bị cáo Thạch Thị Th.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, loại Wave  $\alpha$ , màu xanh, biển kiểm soát 53S8 – 4700 và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIETTEL, màu đen, đã qua sử dụng là của bị cáo Trần Thị R.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 84K1 – 113.37 và 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J4, màu tím, đã qua sử dụng là của bị cáo Nguyễn Thị B H;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu đen - vàng, biển kiểm soát 84K1 – 314.87, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Hậu C;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave  $\alpha$ , màu trắng, biển kiểm soát 84K1 – 273.14, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Văn A.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE II, màu xanh, biển kiểm soát 64B1 – 889.99, đã qua sử dụng của bị cáo Huỳnh Phước N.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại Stinger, màu trắng, biển kiểm soát 47D1 – 237.59 và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Lâm Hồng Ph.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng và 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Phan Thị Út E.

- 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ, một giấy chứng minh nhân dân tên Thạch Thị Th và 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng là của bị cáo Th. Sau khi đã chứng minh làm rõ không có liên quan nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 05 tờ vé số kiến thiết đài Đồng Tháp số 317788 là của bị cáo Lâm Thị S, tại thời điểm tạm giữ đã có kết quả mở thưởng bị cáo đã đổi chiếu không trúng thưởng. Xét thấy không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84K3 – 0559 của Trần Thoại Ng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 350.89 của Võ Thành G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 60FN - 2853 của Trịnh Văn Nh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 247.33 của Phạm Văn Bằng E, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 65B1 – 243.25 của Nguyễn Phú C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 504.39 của Khuru Sáng N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 52F6 – 3004 của Nguyễn Dũng T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu.

Trong quá trình diễn ra đánh bạc thì bị cáo C trực tiếp lấy tiền xâu từ bị cáo H, hình thức là khi nào có ván tài - xỉu “bão” (tức là ba hột xí ngầu có cùng một mặt) thì bị cáo H đưa tiền xâu cho bị cáo C. Bị cáo C lấy tiền xâu 04 ván với số tiền là 2.500.000đồng và tiếp tục dùng số tiền này chơi đánh bạc đã thua hết 500.000đồng, số tiền 2.000.000đồng còn lại tham gia đánh bạc và bị thu giữ trên chiếu bạc.

Đối với Khuru Sáng N, Nguyễn Dũng T, Trần Văn N, Văn Công B (Tý) có tham gia đánh bạc trái phép được, thua bằng tiền dưới hình thức lắc “tài - xỉu”; tại ván “tài - xỉu” bị bắt quả tang không có tham gia nên hành vi chưa cấu thành tội “Đánh bạc” nên Công an huyện Cầu Kè đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 1.500.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT - VKS - HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N, Trần Thị R về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, hai vị Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N sau khi phạm tội các bị cáo N khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo Trần Thị R phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo C có ông nội là Liệt sĩ, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo S có cha, mẹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo N, bị cáo Trần Văn U E có cha là thương binh; hai vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thạch Thị Th, Nguyễn Văn H mỗi người số tiền từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng; áp dụng vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn A, Lê Hồng Phúc, Thạch Thị S L, Nguyễn Văn T mỗi người số tiền từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng; áp dụng vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hậu C, Trần Văn U E, Lâm Thị S mỗi người số tiền từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng; áp dụng vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Phước N số tiền từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng; áp dụng vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B H, Phan Thị Út E mỗi người số tiền từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng; áp dụng vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị R số tiền từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng. Ngoài ra, hai vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận những hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên. Riêng bị cáo R không thừa nhận tại vấn “tài - xúi” bị bắt quả tang có tham gia đánh bạc. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Th, bị cáo Ph, bị cáo S cho rằng, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng



quy định pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo S có cha, mẹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N, Trần Thị R: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của hai vị Kiểm sát viên. Lời khai này của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với bị cáo Trần Thị R, mặc dù cho rằng tại ván “tài – xiu” bị lực lượng Công an huyện Cầu Kè bắt quả tang không có tham gia đánh bạc nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, qua đối chất với lời khai của bị cáo H, bị cáo Ph, bị cáo S, bị cáo C, bị cáo T, các bị cáo đều khẳng định bị cáo R có tham gia và đặt cược số tiền 100.000 đồng ở cửa “xiu”, vị trí bị cáo R đứng tham gia đánh bạc là đứng phía sau bị cáo S; do đó có cơ sở khẳng định bị cáo R có tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền tại ván tài xỉu bị bắt quả tang với số tiền đặt cược là 100.000 đồng. Từ nhận định trên, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng thời gian từ 14 giờ 00 phút đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/11/2019, tại khu đất vườn của ông Trịnh Văn Nh, tọa lạc ấp Bưng Lớn B, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N, Trần Thị R và một số người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được, thua bằng tiền dưới hình thức lắc ‘tài –xiu’. Số tiền đánh bạc mà bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Thạch Thị Th bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 27.100.000 đồng; số tiền đánh bạc mà các bị cáo Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Trần Thị R bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 17.100.000 đồng; số tiền đánh bạc mà bị cáo Huỳnh Phước N bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 10.000.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; xét thấy các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, các bị cáo có đầy đủ sức khỏe, nhận thức được việc đánh bạc thắng, thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do ham lợi, muốn có tiền nhanh để tiêu xài mà bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo N thực hiện hành phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H và bị cáo Th. Do đó cần áp dụng một hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, bảo đảm cho việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N sau khi phạm tội các bị cáo N khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo Trần Thị R phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo C có ông nội là Liệt sĩ, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo S có cha, mẹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo N, bị cáo Trần Văn U E có cha là thương binh; đối với bị cáo B H bị bệnh hiểm nghèo (ung thư vú phải, giai đoạn IIIc) những tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 giấy biên nhận cầm đồ, một giấy chứng minh nhân dân tên Thạch Thị Th; 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng của bị cáo Th; 05 tờ vé số kiến thiết đài Đồng Tháp số 317788 của bị cáo Lâm Thị S, 01 xe mô tô biển kiểm soát 84K3 – 0559 của Trần Thoại Ng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 350.89 của Võ Thành G; 01 xe mô tô biển kiểm soát 60FN - 2853 của Trịnh Văn Nh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 84K1 – 247.33 của Phạm Văn Bằng E; 01 xe mô tô biển kiểm soát 65B1 – 243.25 của Nguyễn Phú C; 01 xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 504.39 của Khưu Sáng N; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52F6 – 3004 của Nguyễn Dũng T; việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè xét thấy không có liên quan đến vụ án nên đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 bộ dụng cụ lắc “tài – xỉu” gồm: 01 cái chén màu trắng - xanh, 01 cái đĩa màu trắng - xanh và 03 hột xí ngầu (của bị cáo Th); 01 bộ dụng cụ lắc “tài – xỉu” gồm: 01 cái chén màu trắng – đỏ, 01 cái đĩa màu trắng - xanh và 03 hột xí ngầu (của Văn Công B); 01 bao thuốc lá hiệu 555; 01 bao thuốc lá hiệu JET; 01 bao thuốc lá hiệu HERO; 01 miếng gạch tàu kích thước 15cm x

30cm; 01 tấm bạc bằng nhựa, màu xanh – vàng, có nhiều vết rách, kích thước 185cm x 480cm; 01 chip điện tử màu xanh; 01 thùng đựng nước đá màu đỏ - trắng, đây là vật chứng liên quan trong vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 63.498.000đồng: trong đó 17.100.000đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 19.918.000đồng là của bị cáo Th, không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Th nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án; 8.012.000đồng là của bị cáo Phan Thị Út E, không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Phan Thị Út E nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án; 7.025.000đồng là của bị cáo S L, không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo S L nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án; 73.000đồng của bị cáo B H không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo B H nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án; 70.000đồng của bị cáo R không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo R nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án; 11.300.000đồng còn lại không xác định được chủ sở hữu nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 túi xách kiểu nữ màu vàng, đã qua sử dụng của bị cáo Thạch Thị Th không có liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Th.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Shmode, màu xám, biển kiểm soát 64F1 – 304.83 đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Thạch Thị Th và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Thạch Thị Th nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, loại Wave  $\alpha$ , màu xanh, biển kiểm soát 53S8 – 4700, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Trần Thị R nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu VIETTEL, màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị R, bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 84K1 – 113.37, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Nguyễn Thị B H nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J4, màu tím, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị B H, bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu đen - vàng, biển kiểm soát 84K1 – 314.87, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Nguyễn Hậu C nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave  $\alpha$ , màu trắng, biển kiểm soát 84K1 – 273.14, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Lê Văn A nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE II, màu xanh, biển kiểm soát 64B1 – 889.99, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Huỳnh Phước N nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại Stinger, màu trắng, biển kiểm soát 47D1 – 237.59, đã qua sử dụng là của gia đình bị cáo Lâm Hồng Ph nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Lâm Hồng Ph, bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng và 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Phan Thị Út E, bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

[7] Xét bản luận tội của hai vị Kiểm sát viên kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét lời bào chữa của hai vị Trợ giúp viên pháp lý, vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Th, bị cáo S, bị cáo Ph cho rằng các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo S có cha, mẹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

[10] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N, Trần Thị R phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Thạch Thị Th, bị cáo Nguyễn Văn H mỗi người số tiền 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn A số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hậu C số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lâm Hồng Ph, bị cáo Thạch Thị S L, bị cáo Nguyễn Văn T mỗi người số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn U E, bị cáo Huỳnh Phước N mỗi người số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Út E số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B H, bị cáo Lâm Thị S mỗi người số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị R số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ dụng cụ lắc “tài – xiu” gồm: 01 (một) cái chén màu trắng - xanh, 01 (một) cái đĩa màu trắng - xanh và 03 (ba) hột xí ngầu (của bị cáo Th); 01 (một) bộ dụng cụ lắc “tài – xiu” gồm: 01 (một) cái chén màu trắng – đỏ, 01 (một) cái đĩa màu trắng - xanh và 03 (ba) hột xí ngầu (của Văn Công B); 01 (một) bao thuốc lá hiệu 555; 01 (một) bao thuốc lá hiệu JET; 01 (một) bao thuốc lá hiệu HERO; 01 (một) miếng gạch tàu kích thước 15cm x 30cm; 01 (một) tấm bạc bằng nhựa, màu xanh – vàng, có nhiều vết rách, kích thước 185cm x 480cm; 01 (một) chip điện tử màu xanh; 01 (một) thùng đựng nước đá màu đỏ - trắng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 28.400.000đồng (trong đó 17.100.000đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép, 11.300.00đồng không tìm được chủ sở hữu, nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.00000).

- Trả lại số tiền 8.012.000đồng cho bị cáo Phan Thị Út E nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án (nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.00000).

- Trả lại số tiền 7.025.000đồng cho bị cáo Thạch Thị S L nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án (nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.000000).

- Trả lại số tiền 73.000đồng cho bị cáo Nguyễn Thị B H nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án (nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.000000).

- Trả lại số tiền 70.000đồng cho bị cáo Trần Thị R nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án (nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.000000).

- Trả lại 01 túi xách kiểu nữ màu vàng, đã qua sử dụng cho bị cáo Thạch Thị Th; trả lại số tiền 19.918.000đồng cho bị cáo Thạch Thị Th nhưng giao cho Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè quản lý để bảo đảm thi hành án (nằm trong số tiền 63.498.000đồng đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản: 3949.0.9077632.000000).

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Shmode, màu xám, biển kiểm soát 64F1 – 304.83 đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho bị cáo Thạch Thị Th.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, loại Wave  $\alpha$ , màu xanh, biển kiểm soát 53S8 – 4700 đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIETTEL, màu đen, đã qua sử dụng cho bị cáo Trần Thị R.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 84K1 – 113.37, đã qua sử dụng và 01 một điện thoại di động hiệu SAMSUNG J4, màu tím, đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Thị B H.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu đen - vàng, biển kiểm soát 84K1 – 314.87, đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Hậu C.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave  $\alpha$ , màu trắng, biển kiểm soát 84K1 – 273.14, đã qua sử dụng cho bị cáo Lê Văn A.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE II, màu xanh, biển kiểm soát 64B1 – 889.99, đã qua sử dụng cho bị cáo Huỳnh Phước N.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại Stinger, màu trắng, biển kiểm soát 47D1 – 237.59, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng cho bị cáo Lâm Hồng Ph.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng và 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu trắng, đã qua sử dụng cho bị cáo Phan Thị Út E.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H, Thạch Thị Th, Thạch Thị S L, Lâm Hồng Ph, Phan Thị Út E, Lâm Thị S, Nguyễn Văn T, Trần Văn U E, Nguyễn Hậu C, Lê Văn A, Nguyễn Thị B H, Huỳnh Phước N, Trần Thị R mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thì thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**